

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DSST

Ngày 18/5/2020

Về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT**

**- *THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:*** Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Sơn Thái, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N có bà **Cao Thị Tổ Q** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Xuân H1**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Sơn Thái, xã NTS, huyện HĐ tỉnh KG.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Vào tháng 6/2019, sau khi vừa cắt lúa nhưng do buồn chuyện gia đình nên Nguyễn Xuân H1 (là cháu ông N) bỏ nH đi. Ông N thấy vậy nên bàn bạc với các anh em bán lúa giữ tiền cho H1 để không bị chuột cắn phá và ông N đã bán được số tiền 62.872.800 đồng. Sau đó, chị Nguyễn Thị Mỹ H (là chị ruột của anh H1) đến gặp ông N nói rằng H1 còn thiếu chị H 15.000.000 đồng nên ông N đã đưa cho chị H 15.000.000 đồng. Tuy nhiên đến khi anh H1 về địa phương nói với ông N là không có nợ tiền chị H.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải trả số tiền 15.000.000 đồng cho ông để ông lấy tiền trả lại cho anh H1.

Đến ngày 18/3/2020 ông Nguyễn Văn N có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông chi phí đi lại là 3.360.000 đồng và tính lãi suất đối với số tiền 15.000.000 đồng.

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Chị H thừa nhận có nhận của ông N số tiền 15.000.000 đồng. Đây là số tiền ông N bán lúa của anh Nguyễn Xuân H1. Đến thời điểm này, anh H1 còn thiếu chị H số tiền 21.000.000 đồng, đối trừ số tiền 15.000.000 đồng mà chị nhận từ ông N thì anh H1 còn thiếu chị 6.000.000 đồng. Nên chị H không đồng ý trả lại cho ông N số tiền 15.000.000 đồng mà yêu cầu cân trừ qua tiền anh H1 còn nợ chị.

*\* Tại phiên tòa:*

- Ông N yêu cầu chị H trả cho ông số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chị H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản” quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

Vào tháng 6/2019 do sợ chuột cắn phá nên ông Nguyễn Văn N có đứng ra bán số lúa mới cắt của anh Nguyễn Xuân H1 (do anh H1 bỏ địa phương đi) và quản lý số tiền bán lúa cho anh H1 là 62.872.800 đồng. Sau khi bán lúa xong thì chị Nguyễn Thị Mỹ H có đến cho rằng H1 còn nợ chị một số tiền nên yêu cầu ông N trả nợ cho H1 và ông N đã đưa cho chị H số tiền 15.000.000 đồng. Nay anh H1 về xác định anh không nợ tiền chị H nên ông N khởi kiện yêu cầu chị H phải trả lại cho ông 15.000.000 đồng để ông trả tiền bán lúa cho anh H1. Từ đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy: Tại các phiên H1 giải và tại phiên tòa hôm nay, chị H thừa nhận có nhận của ông N số tiền 15.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Chị H cho rằng trước đây anh H1 có nhờ chị vay tiền giùm từ chị Phạm Thị Cúc, số tiền là 21.000.000 đồng, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020 (bút lục số 27), anh H1 xác định anh không thiếu nợ tiền của chị H. Mặt khác, bà Phạm Thị Cúc trình bày bà có cho chị H mượn số tiền 21.000.000 đồng và chị H đã trả lại hết số tiền này lâu rồi, khi mượn tiền thì chị H không nói là mượn giùm cho H1 nên bà không biết chuyện tiền bạc giữa chị em H và H1 như thế nào.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc thiếu nợ tiền giữa chị với anh H1 nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Do đó việc ông N khởi kiện yêu cầu chị trả lại số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Ngày 18/3/2020 ông Nguyễn Văn N có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị H phải có trách nhiệm bồi thường cho ông chi phí đi lại là 3.360.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông N được thực hiện sau thời điểm Tòa án mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên

căn cứ vào Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án các địa phương thì Tòa án không chấp nhận thụ lý xem xét yêu cầu này của ông khi giải quyết vụ án.

Tại mục 7 phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 đã hướng dẫn nội dung như sau:

*“Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H1 giải.*

*Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H1 giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu”.*

Xét ý kiến của bà Cao Thị Tố Q – Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn N cho rằng chị H không có chứng cứ gì chứng minh anh H1 nợ tiền của chị nên việc chị nhận từ ông N số tiền 15.000.000 đồng là tiền của H1 là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Xét thấy đề nghị của bà Cao Thị Tố Q có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị H có trách nhiệm trả lại cho ông N số tiền 15.000.000 đồng.

### 3. Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 15.000.000đ x 5% = 750.000 đồng.

- Ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi Hình án có đơn yêu cầu thi Hình án cho đến khi thi Hình án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng người phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2/ Về án phí DSST:**

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009144 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Xuân H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cúc**